

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ Y TẾ

Số: 2050/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 02 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám y học cổ truyền thuộc hộ kinh doanh Đoàn Thị Ngóng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định và Biên bản thẩm định báo cáo khắc phục của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1257/QĐ-SYT ngày 30/03/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám y học cổ truyền thuộc hộ kinh doanh Đoàn Thị Ngóng;
- Địa chỉ: Số 125 An Đà, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Phòng khám Y học cổ truyền;

- Số GPHEĐ: 001706/HP-GPHEĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Đoàn Thị Ngóng;
Số CCHN: 002297/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 30/9/2013;
- Thời gian hoạt động: Từ 8 giờ 00 đến 20 giờ 00 từ thứ 2 đến Chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật:

Phê duyệt 29 danh mục kỹ thuật theo Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư số 23/2024/TT-BYT thực hiện đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo quy định tại điểm a, khoản 1, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Phê duyệt 05 danh mục kỹ thuật (theo Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư số 23/2024/TT-BYT) thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo quy định tại điểm b, khoản 1, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Phòng khám y học cổ truyền thuộc hộ kinh doanh Đoàn Thị Ngóng có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám y học cổ truyền thuộc hộ kinh doanh Đoàn Thị Ngóng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quang

PHỤ LỤC 1: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM Y HỌC CỔ TRUYỀN THUỘC HỘ KINH DOANH
ĐOÀN THỊ NGỎNG (THEO PHỤ LỤC 1 BAN HÀNH KÈM THÔNG TƯ 23/2024/TT-
BYT)
(Kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-SYT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
2	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
3	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
4	6236	8.301	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt chi trên
5	6245	8.310	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
6	6248	8.313	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
7	6257	8.322	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
8	6265	8.330	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
9	6287	8.352	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau vai gáy
10	6291	8.356	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
11	6292	8.357	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
12	6300	8.365	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt chi trên
13	6301	8.366	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
14	6324	8.389	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
15	6325	8.390	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
16	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não

17	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thất lưng- hông
18	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị mắt ngủ
19	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
20	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp
21	6365	8.430	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
22	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
23	6386	8.451	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn
24	6396	8.461	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
25	6408	8.473	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
26	6414	8.479	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn
27	6416	8.481	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi điều trị các chứng đau
28	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết bằng tay
29	6420	8.485	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi

**PHỤ LỤC 2: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM Y HỌC CỔ TRUYỀN THUỘC HỘ KINH DOANH
ĐOÀN THỊ NGỔNG (THEO PHỤ LỤC 2 BAN HÀNH KÈM THÔNG TƯ 23/2024/TT-
BYT)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế
Hải Phòng)*

STT	STT theo Phụ lục 2	STT theo chương	Tên chương	Mã liên kết	Tên kỹ thuật (cột 4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	5472	19	18. YHCT	8.278 - 8.321	Điện châm
2	5495	42	18. YHCT	8.322 - 8.388; 8.6	Thủy châm
3	5469	16	18. YHCT	8.9; 8.451 - 8.478	Cứu ngải
4	5497	44	18. YHCT	8.389 - 8.484	Xoa bóp bấm huyệt
5	5475	22	18. YHCT	8.479 - 8.482; 8.485	Giác hơi

